

Bản án số: 38/2022/DS-PT

Ngày: 23-8-2022

*“V/v tranh chấp liên quan đến yêu cầu  
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu;  
hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất  
vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp  
đồng vô hiệu ”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Hồng Ánh

*Các thẩm phán:* - Bà Nguyễn Thúy Hằng

- Ông Bùi Đức Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Phạm Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh:** ông Lê Khắc Sơn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử số 4, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 24/2022/TLPT-DS ngày 29/6/2022 về *“Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu ”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh bị chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn và chị Nguyễn Hồng V là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2022/QĐ-PT ngày 26/7/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1971, địa chỉ: Số nhà 67, phố H B, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

**2. Bị đơn:** Ủy ban nhân dân thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh; địa chỉ trụ sở: phố Lý Thường Kiệt, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Quang Chính – Chức vụ: Phó Chủ tịch, có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1931; địa chỉ: phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L: chị Nguyễn Lệ M (Nguyễn Thị M), sinh năm 1958; địa chỉ: phố Thống Nhất, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3.2. Anh Nguyễn Phương N, sinh năm 1954; địa chỉ: phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Phương N: bà Vũ Thị Uyên là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3.3. Chị Nguyễn Thị H (Nguyễn Khánh H), sinh năm 1957; địa chỉ: phố Quang Trung, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị H: anh Nguyễn Phương N, sinh năm 1954; địa chỉ: phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3.4. Chị Nguyễn Lệ M (Nguyễn Thị M), sinh năm 1958; địa chỉ: phố Thống Nhất, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3.5. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.6. Chị Nguyễn Hồng V, sinh năm 1962; địa chỉ: phường N K, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3.7. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1960; địa chỉ: phố Đ T 2, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

3.8. Chị Ngô Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ: phố Đ T 2, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh, có mặt

3.9. Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1969; địa chỉ: phố L T, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh;

#### ***4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:***

Anh Nguyễn Văn C sinh năm 1960 và chị Ngô Thị H sinh năm 1960; đều trú tại địa chỉ: phố Đông Tiến 2, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh, đều có mặt.

Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn; chị Nguyễn Hồng V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

***Theo đơn khởi kiện ghi ngày 22/5/2020 được bổ sung bằng các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:***

Ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L có 08 người con là: anh Nguyễn Phương N, sinh năm 1954 (anh Nam là con riêng của bà Nguyễn Thị L); chị Nguyễn Thị H (Nguyễn Khánh H), sinh năm 1957; chị Nguyễn Lệ M (Nguyễn Thị M), sinh năm 1958; chị Nguyễn Hồng V, sinh năm 1962; chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1964; anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1960; anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1971. Ông L và bà L có tài sản chung là quyền sử dụng diện tích 76,27 m<sup>2</sup> đất và ngôi nhà cấp bốn tại địa chỉ: số 67, phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X600525 ngày 22/10/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn L.

Ngày 20/9/2010, ông Nguyễn Văn L chết không để lại di chúc.

Năm 2013 chị biết việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ông L đã chuyển sang tên bà L, do là anh Nguyễn Văn C mang GCNQSDĐ thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (viết tắt: Ngân hàng) – chi nhánh huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh để vay số tiền 1.250.000.000 đồng, nhưng thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông L sang bà L như thế nào chị không biết.

Năm 2020, anh Nguyễn Văn C thông báo không đủ khả năng để thanh toán khoản nợ tại Ngân hàng, Ngân hàng sẽ tịch thu nhà và đất để phát mãi tài sản. Gia đình đã họp 21/3/2020 để bàn về việc lấy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về gồm: một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên của anh C – chị H tại phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y (anh C, chị H cũng thế chấp tại ngân hàng) và một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên của bà Nguyễn Thị L tại số nhà 67, phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – chi nhánh huyện T Y với tổng số tiền khoảng 1.400.000.000 đồng. Cuộc họp gia đình có thống nhất nội dung sự việc là “con hoặc cháu có tiền nộp vào ngân hàng đã thế chấp đất và nhà ở được gia đình đồng ý, thì lấy sổ đỏ về và làm thủ tục đổi tên sổ đỏ cho con (cháu). Ngoài ra còn có thỏa thuận miệng là ai bỏ tiền ra để lấy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị L sẽ chuyển sang tên cho người đó và phải ở căn nhà đó không được phép bán cho người ngoài, còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh C – chị H sẽ sang tên cho chị N. Tuy nhiên trong nội dung biên bản không trình bày rõ nội dung này vì là anh em trong gia đình tin tưởng nhau nên chỉ thống nhất với nhau bằng miệng và cũng do không hiểu biết nên không ghi vào

biên bản. Sau đó anh C, chị H đã đưa tiền cho anh C trả vào Ngân hàng để lấy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, nhưng sau đó do giữa chị và anh C có xích mích nên việc chuyển nhượng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa anh C và chị không thực hiện nữa, còn đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà L do anh C giữ nên chị không rõ.

Đến ngày 18/11/2020, khi chị đến UBND huyện T Y hỏi thì mới biết thửa đất của bố mẹ chị tại số nhà 67, phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y đã được chuyển nhượng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H được Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực ngày 27/4/2020. Sau đó, chị lên UBND thị trấn T Y hỏi thì mới biết đã có việc phân chia di sản thừa kế phần di sản của bố chị – ông Nguyễn Văn L từ năm 2013. Theo các tài liệu có trong hồ sơ chị đã giao nộp cho Tòa án thì chị cho rằng chữ ký trong Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế có chữ ký và tên Nguyễn Thị N và Văn bản phân chia tài sản thừa kế được UBND thị trấn T Y chứng thực ngày 03/4/2013 không phải là chữ ký, chữ viết của chị. Ngày 03/12/2020, chị làm đơn gửi lên UBND huyện T Y để khiếu nại về hành vi vi phạm hành chính của UBND thị trấn T Y về việc tự ý chuyển phần di sản thừa kế mà chị được thừa hưởng cho bà Nguyễn Thị L khi chưa được sự đồng ý của chị và việc UBND thị trấn T Y chứng thực hợp đồng cho tặng ngôi nhà số 67 phố Hòa Bình, thị trấn T Y cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H khi chưa phân chia tài sản thừa kế. Ngày 24/12/2020, ngày 31/12/2020 và ngày 28/01/2021 UBND thị trấn T Y đã mời gia đình chị cùng phòng Tư pháp huyện, Ủy ban mặt trận tổ quốc thị trấn, đại diện khu phố Hòa Bình lên để giải quyết đơn khiếu nại của chị. Ngày 04/02/2021, UBND thị trấn T Y có văn bản trả lời đơn của chị: 2 vấn đề chị khiếu nại được UBND thị trấn làm đúng quy trình pháp luật. Nhưng chị cho rằng việc trả lời của UBND thị trấn T Y hoàn toàn trái pháp luật vì: thứ nhất: văn bản từ chối nhận di sản thừa kế và văn bản phân chia tài sản thừa kế không được lập tại UBND thị trấn T Y, văn bản được lập và chứng thực không có mặt của những người được hưởng thừa kế tại thời điểm chứng thực và các văn bản không được xác thực chữ ký trước mặt cán bộ tư pháp UBND thị trấn T Y; thứ hai: văn bản phân chia tài sản và văn bản từ chối nhận di sản thừa kế không phải là chữ ký và chữ viết của chị; thứ ba: thiếu chữ ký của người được hưởng di sản thừa kế hợp pháp là anh Nguyễn Phương N. Nên việc chứng thực của UBND thị trấn T Y về văn bản phân chia tài sản thừa kế số 13, quyển số 02, ngày 03/4/2013 và chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho anh Nguyễn Văn C và chị

Ngô Thị H số 143 quyển số 01/2020 ngày 27/4/2020 là hoàn toàn không hợp pháp.

Ngày 07/6/2021 chị N đã khởi kiện UBND thị trấn T Y tại Tòa án nhân dân huyện T Y; yêu cầu Tòa án giải quyết:

Thứ nhất: hủy văn bản phân chia di sản thừa kế do Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực số 13, quyển số 02 ngày 03/4/2013 và văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị N.

Thứ hai: hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H do Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực hợp đồng giao dịch số 143, quyển 01/2020 ngày 27/4/2020.

Tại phiên tòa chị N có yêu cầu bổ sung là đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X-000525, phần Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T Y chỉnh lý biến động về chủ sử dụng đất trên sang tên vợ chồng anh C – chị H ngày 06/5/2020. Nhưng sau khi giải thích đối với yêu cầu này theo Điều 244 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì chị N rút luôn yêu cầu này.

***Bị đơn UBND thị trấn T Y do người đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Năm 2013, anh Nguyễn Văn C là con trai của bà Nguyễn Thị L có đến Trung tâm hành chính công huyện T Y hỏi thủ tục để làm các giấy tờ có liên quan đến việc phân chia di sản thừa kế và mang về cho mọi người ký tại gia đình (gồm bà Nguyễn Thị L; anh Nguyễn Văn C; chị Nguyễn Thị M; chị Nguyễn Thị N; chị Nguyễn Thị Khánh H; chị Nguyễn Thị H; chị Nguyễn Hồng V và anh Nguyễn Văn C) sau đó mang giấy tờ lên UBND thị trấn để chứng thực. Quá trình thực hiện các thủ tục chứng thực đối với các văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế và văn bản phân chia tài sản thừa kế đối với di sản của ông Nguyễn Văn L được UBND thị trấn T Y chứng thực đều ghi ngày 03/4/2013 gồm :Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế của anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị Khánh H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Hồng V và Văn bản phân chia tài sản thừa kế có tên những người nêu trên và bà Nguyễn Thị L; những người có tên trên không trực tiếp lên UBND thị trấn T Y thực hiện.

Theo quy định về chứng thực hợp đồng thì tất cả mọi người có quyền lợi, trách nhiệm được ghi trong hợp đồng, văn bản phải lên UBND thị trấn để ký vào biên bản và chịu trách nhiệm về nội dung, chữ ký của mình (UBND thị trấn T Y chỉ chứng thực chữ ký). Tuy nhiên, căn cứ vào hồ sơ trong văn bản phân chia tài sản thừa kế đã được bà Nguyễn Thị L cùng với các con của bà L lập có đầy đủ điểm chỉ của bà L và chữ ký của các con trong gia đình, có sự cam đoan chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai trong văn bản thừa kế và từ chối nhận tài sản. Bà L nhận toàn bộ tài sản theo tài sản

thừa kế của ông Nguyễn Văn L (chồng bà L đã chết) đã được UBND thị trấn T Y chứng thực số 13, quyền số 02 ngày 03/4/2013.

UBND thị trấn đã trực tiếp làm việc với ông Sến Văn B – nguyên là công chức địa chính thị trấn cho biết chữ viết trong lời chứng thực số 13, quyền số 02 ngày 03/4/2013 là của ông B. Khi thực hiện các thủ tục từ chối nhận di sản thừa kế và chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn L, UBND thị trấn đã không làm thủ tục xác định đúng những người thừa kế của Ông L theo quy định của pháp luật vì những người thừa kế đã tự ký tên vào các văn bản tại gia đình và đưa lên UBND thị trấn T Y chứng thực. Việc thực hiện thủ tục phân chia di sản thừa kế của Ông L thiếu người thừa kế là ông Nguyễn Phương N, do khi làm thủ tục chứng thực việc phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn L, gia đình tự khai và cam đoan không còn ai khác nên UBND thị trấn tin tưởng và chứng thực hợp đồng theo quy định và không biết ông Nam là con riêng của bà L có chung sống với ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị L từ nhỏ.

Đối với việc nguyên đơn – chị Nguyễn Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Hồng V trình bày không được đến UBND thị trấn T Y, huyện T Y làm các thủ tục Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế và Văn bản phân chia tài sản thừa kế (năm 2013), các chữ ký trong các văn bản này không phải là của chị N và chị Vinh. Đại diện của Ủy ban nhân dân thị trấn trình bày trước đây ông không biết, sau khi nhận được đơn của chị N và tiến hành hòa giải tại UBND thị trấn T Y chị N và chị Vinh mới cho biết nội dung trên.

Đối với trình tự, thủ tục làm phân chia di sản của ông Nguyễn Văn L, UBND thị trấn T Y thừa nhận đã thực hiện chưa đúng quy định của pháp luật, nhưng sau đó những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn L cũng không có ý kiến gì và ngày 21/3/2020, những người thuộc hàng thừa kế của Ông L đã tổ chức họp gia đình (có lập thành biên bản), tất cả mọi người trong gia đình gồm: bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Phương N, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Lệ M, anh Nguyễn Văn Lịch (chồng của chị Nguyễn Lệ M), anh Nguyễn Văn C, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị N, chị Ngô Thị H, chị Nguyễn Thị H và chị Nguyễn Hồng V đều có mặt và thống nhất ý kiến ai có tiền trả Ngân hàng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thì sẽ làm thủ tục chuyển nhượng sang cho người đó; và vợ chồng anh Nguyễn Văn C – chị Ngô Thị H đã bỏ tiền ra trả Ngân hàng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó bà Nguyễn Thị L làm hợp đồng tặng cho anh C – chị H. Do bà L già yếu, không thể trực tiếp lên trụ sở UBND thị trấn T Y để làm thủ tục tặng cho giấy tờ nên đã mời đồng chí Ngô Đức T – cán bộ UBND thị trấn T Y xuống nhà bà L để làm thủ tục tặng cho quyền

sử dụng đất của bà L cho vợ chồng anh C – chị H đúng theo quy trình, mọi người đều thực hiện ký và điểm chỉ trước mặt Tư pháp thị trấn. Sau khi thủ tục tặng cho hoàn tất đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T Y chỉnh lý biên động về chủ sử dụng đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X-000525, sang tên vợ chồng anh C – chị H ngày 06/5/2020 với lý do: đã tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn C cùng vợ là bà Ngô Thị H theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số chứng thực 143 được UBND thị trấn T Y chứng thực ngày 27/4/2020. Vì vậy, UBND thị trấn T Y đề nghị Tòa án nhân dân huyện T Y không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập do anh Nguyễn Văn C đại diện trình bày:***

Bố anh tên là Nguyễn Văn L, sinh năm 1929, chết ngày 20/9/2010. Sau khi Ông L mất, bà L cùng tất cả anh chị em trong gia đình gồm anh Nguyễn Phương N, chị Nguyễn Thị Khánh H, chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị Hồng V, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị N và anh (Nguyễn Văn C) đã bàn bạc và thống nhất chuyển lại căn nhà và diện tích đất mang tên bố là Nguyễn Văn L tại số 67, phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh được UBND huyện T Y cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X-000525 ngày 22/10/2003 cho mẹ là bà Nguyễn Thị L được toàn quyền sở hữu. Anh C đã thay mặt gia đình lên cơ quan chính quyền hỏi các thủ tục cần thực hiện sau đó mang các giấy tờ về nhà mẹ anh là bà L và các thành viên trong gia đình đều nhất trí, ký tên vào văn bản từ chối nhận tài sản và văn bản phân chia tài sản thừa kế của bố anh để lại trừ anh Nguyễn Phương N không ký các văn bản này (vì anh Nam là con riêng của bà L nên anh Nam không được hưởng di sản của Ông L). Sau đó, anh C mang giấy tờ lên UBND thị trấn T Y để làm thủ tục cần thiết và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã mang tên mẹ anh, và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, phòng Tài nguyên và môi trường huyện T Y chỉnh lý biên động về chủ sử dụng đất trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là bà Nguyễn Thị L xác nhận ngày 08/4/2013 với lý do: đổi tên chủ sử dụng đất thành bà Nguyễn Thị L theo văn bản phân chia tài sản thừa kế số 13 được UBND thị trấn T Y chứng thực ngày 03/4/2013.

Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2017, mẹ anh (bà L) đã ba lần sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của căn nhà số 67, phố Hòa Bình làm tài sản thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của anh Nguyễn Văn C và chị Phạm Thị Hiền với Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam – chi nhánh huyện T Y với số tiền là 1.400.000.000đồng để anh C, chị H làm vốn kinh doanh và buôn bán. Trong quá

trình kinh doanh, buôn bán, do bị thua lỗ, không có khả năng thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng. Đến tháng 3/2020, Ngân hàng thông báo nếu không thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Thấy tình trạng nguy cơ bị mất căn nhà của mẹ anh tại số nhà 67, phố Hòa Bình, thị trấn T Y nên mẹ (bà L) đã ủy quyền cho chị Nguyễn Thị M thông báo cho tất cả thành viên trong gia đình để mở cuộc họp, tìm cách tháo gỡ. Tất cả thành viên đã thống nhất với phương án nếu trong gia đình có ai có thể trả khoản nợ của anh C khoảng 1.400.000.000đồng để trả Ngân hàng thì ngôi nhà số 67, phố Hòa Bình, thị trấn T Y, tỉnh Quảng Ninh sẽ thuộc quyền sở hữu của người đó, và đã lập thành biên bản, mọi người có mặt đều thống nhất ký tên vào biên bản ngày 21/3/2020. Sau đó, mẹ anh (bà L) đã nhiều lần gọi vợ chồng anh, chị đến để nói chuyện, vì anh là trưởng nam trong gia đình, sau này còn liên quan đến việc thờ cúng nên bảo vợ chồng anh chị cố gắng bỏ tiền trả Ngân hàng để giữ lại căn nhà này nên vợ chồng anh chị đồng ý. Do không có đủ tiền để trả nợ khoản tiền này nên vợ chồng anh chị đã phải thế chấp quyền sử dụng đất căn nhà của vợ chồng anh chị để có đủ số tiền anh C đã vay tại Ngân hàng, để lấy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh C đã thế chấp về (GCNQSDĐ của bà L thế chấp 1.250.000.000đồng, GCNQSDĐ của anh C – chị H thế chấp 130.000.000đồng). Sau khi vợ chồng anh chị đưa tiền để anh C làm thủ tục lấy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về, vợ chồng anh chị đã đưa lại 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nhà anh C – chị H cho chị N để làm thủ tục chuyển nhượng từ anh C – chị H sang cho chị N. Còn đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L, do bà L già yếu, không thể trực tiếp lên trụ sở UBND thị trấn T Y để làm các thủ tục chuyển nhượng giấy tờ nên đã mời đồng chí Ngô Đức Trung – cán bộ UBND thị trấn T Y xuống nhà bà L để làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất của bà L cho vợ chồng anh chị. Sau khi thủ tục tặng cho hoàn tất đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, phòng tài nguyên và môi trường huyện T Y chỉnh lý biên động về chủ sử dụng đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X-000525 sang tên cho vợ chồng anh chị ngày 06/5/2020 với lý do: đã tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C cùng vợ là bà Ngô Thị H theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Anh chị không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N về việc đề nghị Tòa án tuyên bố văn bản phân chia di sản thừa kế do Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực số 13, quyền số 02 ngày 03/4/2013 và văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị N và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của



bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H do Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực hợp đồng giao dịch số 143, quyền 01/2020 ngày 27/4/2020 là vô hiệu. Với lý do: nếu thủ tục làm phân chia di sản của Ông L có vi phạm, nhưng sau đó những người thừa kế cũng không có ý kiến gì và ngày 21/3/2020, gia đình anh đã tổ chức họp gia đình (có lập thành biên bản), tất cả mọi người trong gia đình gồm Nguyễn Thị L, Nguyễn Phương N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Lê M, Nguyễn Văn Lịch (chồng chị Nguyễn Lê M), Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Nghiêm, Ngô Thị H, Nguyễn Thị H và Nguyễn Hồng V đều có mặt và thống nhất ý kiến ai có tiền trả Ngân hàng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thì sẽ làm thủ tục chuyển nhượng sang cho người đó và vợ chồng anh đã bỏ tiền ra để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và hiện nay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, phòng Tài nguyên và môi trường huyện T Y chỉnh lý biến động về chủ sử dụng đất trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X-000525, sang tên vợ chồng anh chị ngày 06/5/2020: Đã tặng cho toàn bộ quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C cùng vợ là bà Ngô Thị H theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số chứng thực 143 được UBND thị trấn T Y chứng thực ngày 27/4/2020.

Nếu Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị N và Văn bản phân chia tài sản thừa kế được Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực số 13/quyền 02/ngày 03/4/2013 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị L tặng cho vợ chồng anh (Nguyễn Văn C và Ngô Thị H) được Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực hợp đồng giao dịch số 143, quyền 01/2020 ngày 27/4/2020 vô hiệu, anh chị đề nghị Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu là: yêu cầu tất cả thành viên có ký tên trong biên bản họp gia đình ngày 21/3/2021 gồm Nguyễn Thị L, Nguyễn Phương N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Lê M, Nguyễn Văn Lịch (chồng chị Nguyễn Lê M), Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Nghiêm, Nguyễn Thị H và Nguyễn Hồng V phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho vợ chồng anh tổng số tiền là 1.250.000.000đồng (Một tỷ hai trăm năm mươi triệu đồng) tiền vợ chồng anh đã bỏ ra để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ anh – bà Nguyễn Thị L tại Ngân hàng về và khoản tiền lãi phát sinh là:  $1.250.000.000\text{đồng} \times 8\% \times 18\text{ tháng} = 180.000.000\text{đồng}$  (Một trăm tám mươi triệu đồng). Trong đó, bà L phải chịu trách nhiệm chính đối với số tiền trên, cụ thể là phải chịu giá trị phần tài sản của bà Nguyễn Thị L được hưởng bao nhiêu tiền trong khối tài sản là thừa đất địa chỉ tại số nhà 67, phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh, vì giá trị của thừa đất này vẫn còn. Còn lại bao nhiêu tiền thì tất cả những người còn lại (Nguyễn Phương N, Nguyễn

Thị H, Nguyễn Lê M, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Nghiêm, Nguyễn Thị H và Nguyễn Hồng V) phải liên đới chịu trách nhiệm.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L do đại diện theo ủy quyền chị Nguyễn Lê M trình bày:***

Năm 2013, anh C có gọi mọi người đến nhà bà để thống nhất nội dung Ông L đã mất nên làm thủ tục chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông L, bà L sang tên một mình bà. Bà L đã đồng ý và điểm chỉ. Còn sau đó thủ tục chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông L, bà L sang tên một mình bà L như thế nào thì bà L không biết. Bà L có được lặn tay vào văn bản do anh C đưa ở nhà chứ không được lên UBND thị trấn T Y làm thủ tục này.

Thời điểm anh C mượn tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà L để thế chấp tại Ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản, khi cán bộ ngân hàng đến nhà làm thủ tục chỉ nói với bà L là lặn tay điểm chỉ vào hợp đồng chứ không nói rõ cho bà L biết là hợp đồng gì và bà L có lặn tay điểm chỉ vào hợp đồng thế chấp nhưng không biết tài sản của mình đã bị thế chấp tại ngân hàng. Ngày 21/3/2020, anh C có thông báo là đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L tại Ngân hàng và đến thời điểm trả nợ anh C không có khả năng trả thì bà mới biết việc này.

Buổi họp gia đình ngày 21/3/2020 có trao đổi nội dung là lấy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất về, gồm một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên của anh C – chị H tại phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y và một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên của bà Nguyễn Thị L tại số nhà 67, phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y. Trong cuộc họp thống nhất nội dung sự việc là nếu ai trong gia đình bỏ tiền ra để lấy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này về thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đất của bà Nguyễn Thị L sẽ chuyển sang tên cho người đó nhưng chỉ được phép ở chứ không được phép bán cho người ngoài; còn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh C – chị H sẽ sang tên cho chị N. Và đến thời điểm bây giờ đúng là có việc anh C – chị H đã bỏ tiền ra để lấy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó về.

Thời điểm làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất giữa bà L với anh C, chị H là do anh C có gọi anh Ngô Đức Trung – cán bộ UBND thị trấn T Y đến nhà bà L làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất, khi đó có chị N, anh C, anh C ở trong nhà và anh Nam ngồi ở cửa nhà nhưng anh Nam không được gọi vào thông báo sự việc, anh Trung có bảo bà L điểm chỉ vào Hợp đồng tặng cho nhưng không nói rõ với bà L đó là hợp đồng gì.

Đến ngày 18/11/2020, khi chị N đến UBND huyện T Y hỏi và thông báo lại cho bà thì bà mới biết có việc tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất của bà L tại số nhà 67, phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H theo Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H được Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực ngày 27/4/2020 và có việc phân chia di sản thừa kế phần tài sản của ông Nguyễn Văn L từ năm 2013 cũng như việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông L, bà L đã chuyển sang tên một mình bà L từ năm 2013.

Bà L đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế, Văn bản phân chia tài sản thừa kế năm 2013 của chị Nguyễn Thị N và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H được UBND thị trấn T Y chứng thực là vô hiệu.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phương N; chị Nguyễn Thị H (Nguyễn Khánh H do anh Nguyễn Phương N được uỷ quyền); chị Nguyễn Lệ M (Nguyễn Thị M); chị Nguyễn Hồng V (do chị Nguyễn Lệ M được uỷ quyền) và chị Nguyễn Thị H trình bày có nội dung:***

Theo giấy khai sinh, họ tên đầy đủ của chị Hoà là Nguyễn Khánh Hòa. Năm 1975, chị đi bộ đội nên đã đổi tên thành Nguyễn Thị H và sử dụng tên đó cho đến nay.

Theo giấy khai sinh họ tên đầy đủ của chị Minh là Nguyễn Lệ M, ngoài ra chị còn có tên thường gọi ở nhà là Nguyễn Thị M.

Còn anh Nguyễn Phương N anh là con đẻ của bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn L là bố dượng. Thời điểm bà L và Ông L lấy nhau anh Nam được khoảng 5-6 tháng tuổi. Anh sống cùng với mẹ và bố dượng đến năm 1979 thì lấy vợ và ra ở riêng nhưng vẫn thường xuyên đi lại chăm sóc bố mẹ.

Đối với việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển sang tên bà L thì anh Nam, chị Hoà, chị Minh, chị Hoa đều biết đã chuyển sang tên bà L từ năm 2013, còn chị Vinh biết từ năm 2015. Chữ viết và chữ ký trong văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế và Văn bản phân chia tài sản thừa kế do UBND thị trấn huyện T Y chứng thực ngày 03/4/2013 đúng là chữ viết và chữ ký của chị Hoà, chị Minh và chị Hoa. Riêng chị Minh cho rằng chị ký vào tờ giấy A4 có kẻ thành nhiều cột chứ không phải ký vào văn bản từ chối tài sản thừa kế mà nguyên đơn, bị đơn đã nộp cho Toà án, nhưng chị thừa nhận chữ ký trong các văn bản trên là chữ ký và chữ viết của mình vào thời điểm 2013 chị nhưng về nội dung thì không đúng; chị Minh, anh Nam, chị Hoà, chị Hoa cũng nhất

trí việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông L, bà L chuyển sang tên một mình bà L, để bà L quản lý, sử dụng thửa đất và ngôi nhà; còn chị Vinh không thừa nhận chữ ký trong các văn bản trên là chữ ký và chữ viết của mình và không đồng ý việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà L. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho anh Nam, chị Minh và chị Vinh về yêu cầu độc lập nhưng anh Nam, chị Minh và chị Vinh không có yêu cầu.

Còn về nội dung buổi họp gia đình ngày 21/3/2020 và đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (chị N) đã nêu ở phần trình bày của nguyên đơn thì anh Nam, chị Hoà, chị Minh, chị Vinh, chị Hoa đều đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đề nghị tuyên bố Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế, Văn bản phân chia tài sản thừa kế năm 2013 của chị Nguyễn Thị N và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H được UBND thị trấn T Y chứng thực là vô hiệu.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Nguyễn Phương N*** trình bày: giống như lời trình bày của anh Nam như trên và cũng đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị N.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C*** trình bày:

Mẹ anh – bà L có yêu cầu với tất cả anh chị em là Ông L đã chết nên phần di sản của Ông L phải chuyển tất cả sang cho mẹ toàn quyền sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Tất cả các anh chị em trong gia đình gồm 8 người đều đồng ý và không có ý kiến gì phản đối. Sau đó, bà L giao toàn quyền xử lý các thủ tục này cho anh thực hiện. Anh đã lên UBND thị trấn T Y và Văn phòng đăng ký đất đai – Phòng tài nguyên và môi trường huyện T Y để hỏi về thủ tục và được các cán bộ in cho các văn bản cũng như hướng dẫn cách làm. Sau đó ngày 03/3/2013, anh đến từng nhà anh chị em mời, còn chị Nguyễn Hồng V anh đã gọi điện thoại mời về để họp bàn làm thủ tục chuyển tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông L, bà L sang đứng tên một mình bà L. Tại buổi họp, anh có nói rõ là “Để chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông L, bà L sang tên một mình bà L thì phải ký vào Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế đối với từng người và một Văn bản phân chia tài sản thừa kế chung của gia đình. Sau đó tất cả mọi người đều đồng ý và ký vào Văn bản anh đưa cho. Anh có được phát cho từng người trong gia đình các văn bản liên quan, đề nghị mọi người đọc kỹ và ký tên vào biên bản và giao lại cho anh. Còn việc mọi người ký như thế nào thì anh không được rõ, vì khi đó nhà rất đông người, anh không thể quan sát hết được.

Tại buổi họp gia đình để làm các thủ tục phân chia di sản thừa kế của bố anh, anh

Nguyễn Văn Nam không có mặt, vì tất cả anh chị em đều thống nhất cho rằng anh Nguyễn Văn Nam là con riêng của bà L, mặt khác là do anh Nam đã xâm phạm đến sức khỏe của bố anh, không đúng với đạo lý làm con trong gia đình nên tất cả mọi người đều đồng ý là anh Nam không có quyền nhận phần di sản của bố. Vì vậy, anh không mời anh Nam tham gia buổi họp gia đình và làm các thủ tục từ chối nhận tài sản thừa kế cũng như phân chia tài sản thừa kế của bố anh, nhưng trước đó, anh đã thông báo bằng miệng cho anh Nam biết việc sẽ chuyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông L, bà L sang tên một mình bà L. Sau khi làm xong thủ tục này, khi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã chuyển sang tên bà L anh cũng đã thông báo cho anh Nam, anh Nam không có ý kiến phản đối gì. Anh Nam biết việc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chuyển sang tên mẹ anh – bà L và đã đồng ý đổi bảo lãnh thế chấp tài sản của mẹ anh thay cho tài sản thế chấp của anh Nam cho khoản vay tín dụng của anh tại Ngân hàng.

Thời điểm năm 2013, khi hoàn tất thủ tục sang tên, anh lên Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T Y để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã chuyển sang tên cho mẹ anh về và đưa cho mẹ anh, khi đó có tất cả anh chị em gồm chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Lệ M, anh Nguyễn Văn Lịch (chồng chị Minh), anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị N đều có mặt ở đó, anh đã đưa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mọi người cùng xem và sau đó giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho mẹ anh. Còn chị Nguyễn Hồng V anh đã gọi điện để thông báo sự việc. Tất cả mọi người đều không có ý kiến gì. Còn về tài liệu chứng minh thì anh không có, vì là anh chị em trong gia đình nên anh chỉ gặp mặt thông báo trực tiếp bằng miệng cho mọi người. Trước năm 2013, anh có mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Nam để thế chấp vay vốn Ngân hàng, nhưng do anh Nam có nhu cầu xây nhà và muốn lấy lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nên anh đã nhờ mẹ anh đứng ra bảo lãnh thế chấp để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Nam về trả cho anh Nam.

Buổi họp gia đình ngày 21/3/2020, anh có tham gia và ký tên. Buổi họp hôm đó gồm có 11 người là bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Phương N, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Lệ M, anh Nguyễn Văn Lịch (chồng của chị Minh), anh Nguyễn Văn C, chị Ngô Thị H (vợ của anh C), chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Hồng V và anh. Nội dung biên bản này là do anh Nguyễn Văn Lịch (chồng chị Minh) soạn thảo. Trong buổi họp gia đình năm 2020 đó chỉ lập duy nhất một Biên bản họp gia đình vì buổi họp đó là theo yêu cầu của mẹ anh (do phần tài sản này đã chuyển hết sang tên cho

mẹ anh nên mẹ anh có toàn quyền quyết định đối với phần tài sản này) chứ không có văn bản gì kèm theo. Còn về di chúc của mẹ anh là do trước đó, có thời gian mẹ anh sang sinh sống tại nhà vợ chồng anh, do già yếu nên mẹ anh có ý định cho vợ chồng anh thừa đất của bà tại số nhà 67, phố H B, thị trấn T Y nhưng vợ chồng anh không đồng ý nhận, vì vậy mẹ anh có lập một di chúc với nội dung là sẽ để lại ngôi nhà và đất đó cho con trai anh là Nguyễn Quang Đ. Do mẹ anh già yếu không đi lại được nên anh có lên mời đồng chí Ngô Đức T – cán bộ UBND thị trấn T Y, huyện T Y xuống nhà để làm thủ tục lập di chúc cho mẹ anh, mẹ anh có điểm chỉ vào bản di chúc đó, sau đó đồng chí Trung cầm tờ di chúc về trụ sở Ủy ban để làm thủ tục chứng thực, sau khi hoàn tất thủ tục có gọi anh đến nhận. Đến thời điểm năm 2020, sau khi anh C, chị H đã hoàn tất thủ tục được mẹ anh tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa mẹ anh với anh C, chị H thì anh C, chị Minh và mẹ anh đã cùng lên Ủy ban thị trấn T Y để làm thủ tục hủy di chúc đó.

Nội dung trong Biên bản họp gia đình ngày 21/3/2020 là bàn về vấn đề lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của mẹ anh – bà L. Thời điểm đó, do có vấn đề về tài chính nên anh không còn khả năng thanh khoản khoản nợ của mình với Ngân hàng vì anh vay tiền Ngân hàng anh có thế chấp tài sản của anh là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh và vợ anh (chị Phạm Thị Hiền) và tài sản của mẹ anh là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã làm thủ tục đứng tên mẹ anh và Ngân hàng thông báo sẽ siết nợ, nhưng anh không thông báo cho gia đình biết. Chị Minh đã tự lên ngân hàng hỏi và biết thông tin sau đó tổ chức cuộc họp gia đình này để có ý kiến là anh chị M – L sẽ bỏ tiền ra để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của mẹ anh về. Trong cuộc họp, anh có thông báo cho gia đình biết là tổng khoản nợ của anh tại ngân hàng hiện nay là 1.370.000.000đồng, hiện nay anh không còn khả năng trả tiền, có hai trường hợp, nếu để cho Ngân hàng phát mại tài sản (là ngôi nhà của mẹ anh) thì khi Ngân hàng phát mại xong, thanh toán số nợ của anh còn dư bao nhiêu sẽ đưa lại cho mẹ anh – bà L; còn nếu trường hợp chị Minh, anh Lích bỏ tiền ra để lấy sổ về thì phải bỏ ra 1.400.000.000đồng để lấy cả hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên của vợ chồng anh tại phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y và một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên của bà Nguyễn Thị L tại số nhà 67, phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng anh là anh thế chấp ngân hàng để trả lãi kỳ trước khoản vay thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ anh và sau đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mẹ anh sẽ chuyển sang

tên cho anh chị M – L, anh có nói rõ là nếu chị M, anh L đồng ý lấy thì phải cho anh thời gian để chuộc lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà L nhưng anh chị M – L không đồng ý mà muốn lấy về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về và sang tên vợ chồng anh chị Minh, Lịch, nhưng mẹ anh và anh không đồng ý, mẹ anh đã gọi anh chị C – H đến để nhờ anh chị C – H bỏ tiền ra để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về cho bà. Và sau đó đến bây giờ đúng là anh chị Cường Huệ đã bỏ tiền ra để lấy 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên về.

Việc có cán bộ đến nhà làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất giữa mẹ - bà L cho anh chị C, H, anh có biết sự việc trên, vì anh là người lên trụ sở UBND thị trấn để mời đồng chí Ngô Đức T – cán bộ Ủy ban xuống để làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất giữa mẹ anh và anh C, chị H do khi đó mẹ anh đã già yếu, không đi lại được. Khi đồng chí Trung xuống nhà để làm các thủ tục cần thiết trước khi mang lên UBND thị trấn chứng thực, lúc đó trong nhà có chị Nguyễn Thị N, chị Nguyễn Thị H, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị H và vợ chồng anh ở trong nhà, còn có anh Nguyễn Phương N ngồi ở đầu cửa nhà chứng kiến sự việc trên. Tại đây đồng chí Trung đã đọc nội dung Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho những người có mặt cùng nghe. Sau khi nghe xong bà L đã trực tiếp điểm chỉ vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh C, chị H. Tại hôm đó, anh cũng có nói với chị N là đối với thửa đất của vợ chồng anh, nếu chị N thích thì vợ chồng anh sẽ cho. Giữa anh với chị N cũng đã làm thủ tục chuyển sang tên cho chị N nhưng sau đó, do chị N và chị Vinh có nói với anh là việc chuyển sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng anh với chị N là mua bán chứ không phải cho nên anh tức giận và hủy hợp đồng tặng cho đó và trả lại tiền vay cho chị N.

Đối với thủ tục Từ chối nhận tài sản thừa kế và Phân chia tài sản thừa kế năm 2013 có đủ tất cả anh chị em đã được ký tên vào các văn bản trên, tất cả thủ tục đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật, vì vậy anh không đồng ý với quan điểm của chị N việc về yêu cầu tuyên bố các văn bản này vô hiệu.

Còn đối với Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà L tặng cho vợ chồng anh C, chị H thì thời điểm năm 2013, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông L đã được chuyển sang tên cho bà L và tất cả mọi người trong gia đình đều biết và không có ý kiến gì. Đến thời điểm họp gia đình năm 2020, tất cả mọi người trong gia đình gồm Nguyễn Thị L, Nguyễn Phương N, Nguyễn Thị H, Nguyễn Lệ M, Nguyễn Văn Lịch (chồng chị Nguyễn Lệ M), Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị Nghiêm, Ngô Thị H, Nguyễn Thị H và Nguyễn Hồng V đều có mặt và thống nhất ý kiến ai có

tiền trả Ngân hàng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thì sẽ làm thủ tục chuyển nhượng sang cho người đó và vợ chồng anh C – chị H đã bỏ tiền ra để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay chị N có yêu cầu tuyên bố Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà L tặng cho vợ chồng anh C, chị H là vô hiệu, anh không đồng ý.

***Người làm chứng anh Nguyễn Văn Lịch trình bày:***

Tại thời điểm họp gia đình ngày 21/3/2020, trước khi tiến hành buổi họp, anh có mặt và anh chị em trong gia đình có bảo anh viết tên các thành viên trong gia đình có mặt vào tờ biên bản do vợ anh (chị Minh) có nhờ con gái anh soạn thảo sẵn ở nhà trước đó có để trống phần những người tham gia cuộc họp và anh đã đọc nội dung qua biên bản cho mọi người cùng nghe, nhưng sau khi đọc xong biên bản do anh C có ý kiến cho rằng anh chỉ là con rể, không được tham gia cuộc họp nên anh không tham gia cuộc họp nữa và sang nhà anh Nam ngồi. Anh không biết mục đích cuộc họp. Sau khi họp xong, do có ghi tên anh trong biên bản nên anh chị em trong gia đình bảo anh ký tên vào biên bản thì anh ký tên.

***Người làm chứng anh Ngô Đức T - Cán bộ tư pháp thị trấn T Y trình bày:***

Ngày 27/4/2020, anh làm việc tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của UBND thị trấn T Y có tiếp nhận hồ sơ của công dân Nguyễn Văn C; địa chỉ: phố Đông Tiến 2, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh gồm 03 bản Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1931 (bên A, bên tặng cho) và bên B (bên được tặng cho) là ông Nguyễn Văn C, bà Ngô Thị H. Sau khi kiểm tra xem xét hồ sơ đủ điều kiện để chứng thực hợp đồng theo quy định, anh đề nghị các bên có mặt tại trụ sở UBND thị trấn để thực hiện ký/điểm chỉ vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, nhưng anh C có trình bày là do mẹ anh là bà Nguyễn Thị L tuổi cao, đau chân, đi lại khó khăn, nên đề nghị UBND cử công chức đến tại nhà ở bà L để thực hiện việc chứng thực hợp đồng. Sau khi anh C trình bày và đề nghị, anh đã báo cáo lãnh đạo và được sự đồng ý, anh đã trực tiếp đến nhà bà L. Tại nhà bà L, thời điểm đó gia đình bà L có đông con cái, cụ thể gồm: vợ chồng anh C, anh Nguyễn Văn C, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Phương N. Anh trực tiếp nói chuyện hỏi thăm sức khỏe bà L và bảo anh C đưa văn bản hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên để bà L xem nội dung hợp đồng. Sau đó anh trực tiếp đọc, giải thích nội dung của bản hợp đồng về quyền và nghĩa vụ của các bên, bà L đã hiểu rõ, đồng ý và anh hướng dẫn bà L điểm chỉ vào từng trang của hợp đồng trước sự chứng kiến của những người con đã



nói trên, tiếp theo anh đề nghị anh chị Nguyễn Văn C, Ngô Thị H trực tiếp đem hồ sơ đến bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND thị trấn T Y để được hướng dẫn, trực tiếp ký vào từng trang của hợp đồng và thực hiện các bước tiếp theo của chứng thực hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Việc thực hiện thủ tục chứng thực hợp đồng đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

**Tại Kết luận giám định số 2067/KLGĐ, ngày 19/11/2021 kết luận:** “Chữ viết “Nghiem” “Nguyễn Thị Nghiem” dưới mục “Những người thừa kế” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A01 và dưới mục “Người từ chối nhận tài sản thừa kế” trong tài liệu cần giám định ký hiệu A02 so với chữ viết trong các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M01 đến M18 không phải do cùng một người viết ra”.

- *Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập (anh C, chị H):* Về giải quyết nếu Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế, Văn bản phân chia tài sản thừa kế của chị Nguyễn Thị N được Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực số 13/quyển 02/ngày 03/4/2013 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị L tặng cho vợ chồng anh (Nguyễn Văn C và Ngô Thị H) được Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực hợp đồng giao dịch số 143, quyển 01/2020 ngày 27/4/2020 vô hiệu. Các đương sự gồm bà L, anh Nam, chị Hòa, chị Minh, chị N, chị Hoa và chị Vinh không đồng ý là phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho vợ chồng anh C, chị H tổng số tiền mà anh chị đã bỏ ra, mà số tiền này anh C phải có trách nhiệm trả.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số 01/2022/DS-ST ngày 13/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện T Y đã căn cứ khoản 1 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 267; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116; 117; 118; 119; 120 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc yêu cầu tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế; văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị N do Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực số 13, quyển số 02 ngày 03/4/2013 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H do Ủy ban

nhân dân thị trấn T Y chứng thực hợp đồng giao dịch số 143, quyển 01/2020 ngày 27/4/2020 vô hiệu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí giám định, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/5/2022 chị Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Hồng V kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xét xử phúc thẩm lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Hồng V giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự tại phiên tòa không thống nhất được với nhau về giải quyết nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: thẩm phán được phân công làm chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Hồng V, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của chị Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Hồng V được thực hiện trong thời hạn luật định, nội dung kháng cáo trong phạm vi bản án sơ thẩm, nên hợp lệ và được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Hồng V, Hội đồng xét xử xét thấy cả chị N và chị Vinh đều có chung nội dung kháng cáo đề nghị xét xử lại toàn bộ bản án theo hướng chấp nhận nội dung khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 07/6/2021, bản tự khai ngày 29/6/2021, được bổ sung bằng các lời khai tiếp theo, chị Nguyễn Thị N đều có quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Thứ nhất: hủy văn bản phân chia di sản thừa kế do Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực số 13, quyển số 02 ngày 03/4/2013 và văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị N.

+ Thứ hai: hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H do Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực hợp đồng giao dịch số 143, quyền 01/2020 ngày 27/4/2020.

[2.1]. Đối với yêu cầu thứ nhất: hủy văn bản phân chia di sản thừa kế do Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực số 13, quyền số 02 ngày 03/4/2013 và văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận có sự việc ngày 03/4/2013 bà Nguyễn Thị L cùng với các anh chị: Nguyễn Thị H (Nguyễn Khánh H), Nguyễn Lê M (Nguyễn Thị M), Nguyễn Hồng V, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Nghiêm, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C đã họp gia đình để làm các thủ tục phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn L. Tại buổi họp gia đình này vắng mặt anh Nguyễn Phương N vì các thành viên trong gia đình đều cho rằng anh Nam là con riêng của bà L nên không được hưởng thừa kế của ông Nguyễn Văn L. Các anh chị Nguyễn Thị H (Nguyễn Khánh H), Nguyễn Lê M (Nguyễn Thị M), Nguyễn Hồng V, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C đã thống nhất từ chối nhận thừa kế di sản của Ông L để lại và ký vào văn bản từ chối nhận di sản. Chị Nguyễn Thị N cho rằng chị không từ chối nhận thừa kế di sản của Ông L; việc UBND thị trấn T Y chứng thực Văn bản từ chối nhận tài sản thừa kế có chữ ký và tên Nguyễn Thị Nghiêm; Văn bản phân chia tài sản thừa kế có chữ ký của các anh chị: Nguyễn Thị H (Nguyễn Khánh H), Nguyễn Lê M (Nguyễn Thị M), Nguyễn Hồng V, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C, Nguyễn Thị N (không phải chữ ký của chị N) và bà Nguyễn Thị L ngày 03/4/2013 không đúng pháp luật; nhưng không thực hiện quyền khiếu nại và khởi kiện theo quy định tại Điều 65 và Điều 69 Nghị định số 75/2000/NĐ-CP, hoặc đề nghị Chủ tịch UBND thị trấn T Y ban hành quyết định hủy bỏ giá trị pháp lý của giấy tờ, văn bản chứng thực theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ bản sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch; mà lại khởi kiện UBND thị trấn T Y và đề nghị Tòa án hủy Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của có chữ ký Nguyễn Thị Nghiêm, và Văn bản phân chia di sản thừa kế do Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực số 13, quyền số 02 ngày 03/4/2013 là không đúng pháp luật. Vì các anh chị Nguyễn Thị H (Nguyễn Khánh H), Nguyễn Lê M (Nguyễn Thị M), Nguyễn Hồng V, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C đều có quyền từ chối nhận thừa kế phần tài sản là di sản của Ông L để

lại, và việc từ chối nhận thừa kế phần tài sản là di sản của những người này được hưởng không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị N. Chị N không có quyền khởi kiện yêu cầu hủy văn bản Văn bản phân chia tài sản thừa kế có chữ ký của các anh chị: Nguyễn Thị H (Nguyễn Khánh H), Nguyễn Lê M (Nguyễn Thị M), Nguyễn Hồng V, Nguyễn Thị H, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L. Mặt khác, theo quy định tại khoản 11 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án chỉ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên văn bản công chứng vô hiệu.

[2.2]. Đối với yêu cầu thứ hai: hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H, do Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực hợp đồng giao dịch số 143, quyền 01/2020 ngày 27/4/2020; Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X600525, thì bà Nguyễn Thị L được quyền sử dụng diện tích 76,27 m<sup>2</sup> đất tại địa chỉ: số 67, phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, theo Điều 167 luật đất đai năm 2013 quy định thì bà L có quyền tặng cho quyền sử dụng thửa đất số 67 nêu trên cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H. Chị Nguyễn Thị N không phải là người có quyền sử dụng thửa đất số 67, phố Hòa Bình, thị trấn T Y, huyện T Y nêu trên theo quy định tại Điều 167 Luật đất đai 2003. Vì vậy, việc bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H nhà đất tại thửa đất số 67 nêu trên không xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị N. Theo quy định tại Điều 168 Bộ luật tố tụng dân sự thì chị N không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H do Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực hợp đồng giao dịch số 143, quyền 01/2020 ngày 27/4/2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị N khai nhận chị khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế và Văn bản phân chia di sản thừa kế do UBND thị trấn T Y chứng thực ngày 03/4/2013; và yêu cầu hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H do UBND thị trấn T Y chứng thực ngày 27/4/2020; chị không khởi kiện yêu cầu tuyên các văn bản trên vô hiệu. Nhưng do bản án sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc yêu cầu tuyên bố Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế và Văn bản phân chia di sản thừa kế do UBND thị trấn T Y chứng thực ngày 03/4/2013 vô hiệu; và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H do UBND thị trấn T Y chứng thực ngày 27/4/2020

vô hiệu. Vì vậy chị đã kháng cáo toàn bộ bản án, đề nghị xét xử phúc thẩm lại bản án theo hướng tuyên bố Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế và Văn bản phân chia di sản thừa kế do UBND thị trấn T Y chứng thực ngày 03/4/2013; và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H do UBND thị trấn T Y chứng thực ngày 27/4/2020 vô hiệu.

Hội đồng xét xử xét thấy tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: tại đơn khởi kiện, bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: hủy văn bản phân chia di sản thừa kế do Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực số 13, quyển số 02 ngày 03/4/2013 và văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị N; hủy Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H do Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực hợp đồng giao dịch số 143, quyển 01/2020 ngày 27/4/2020. Nhưng bản án sơ thẩm lại căn cứ quy định khoản 11 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trang chấp là *“tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu”*. Bản án tuyên: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N về việc yêu cầu tuyên bố Văn bản phân chia di sản thừa kế; văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của chị Nguyễn Thị N do Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực số 13, quyển số 02 ngày 03/4/2013 và Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Nguyễn Thị L tặng cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H do Ủy ban nhân dân thị trấn T Y chứng thực hợp đồng giao dịch số 143, quyển 01/2020 ngày 27/4/2020 vô hiệu; là không đúng với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Căn cứ tài liệu chứng cứ đã phân tích nêu trên, xét thấy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Hồng V.

Do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như đã phân tích nêu trên, căn cứ Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự, cần hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

[4]. Về án phí:

[4.1]. Về án phí sơ thẩm: Vụ án bị đình chỉ thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự nên chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2]. Về án phí phúc thẩm: do bản án sơ thẩm bị hủy và đình chỉ giải quyết vụ án, nên chị Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Hồng V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 4 Điều 308, Điều 311 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Thị N và chị Nguyễn Hồng V.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DS-ST ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh; đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số: 02/2021/TLST-DS ngày 16/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh về “Tranh chấp liên quan đến yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu”, giữa:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Nghiêm.
2. Bị đơn: UBND thị trấn T Y, huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh.
3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
  - 3.1. Bà Nguyễn Thị L.
  - 3.2. Anh Nguyễn Phương N.
  - 3.3. Chị Nguyễn Thị H (Nguyễn Khánh Hòa).
  - 3.4. Chị Nguyễn Lệ M (Nguyễn Thị M).
  - 3.5. Chị Nguyễn Thị H.
  - 3.6. Chị Nguyễn Hồng V.
  - 3.7. Anh Nguyễn Văn C.
  - 3.8. Anh Nguyễn Văn C.
4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập: Anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H.

Trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện.

Áp dụng khoản 3 Điều 18, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: chị Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Chị Nguyễn Hồng V, anh Nguyễn Văn C, chị Ngô Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị N 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị N đã nộp tại các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002025 ngày 09/6/2021 và số 0012078 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh.

- Trả lại cho chị Nguyễn Hồng V 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị Vinh đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012077 ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh.

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn C và chị Ngô Thị H số tiền 27.450.000 đồng (Hai mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm anh C đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012010 ngày 14/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T Y, tỉnh Quảng Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND huyện T Y.
- VKSND tỉnh QN.
- THADS huyện T Y.
- Các đương sự.
- Lưu HS - VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Ánh**